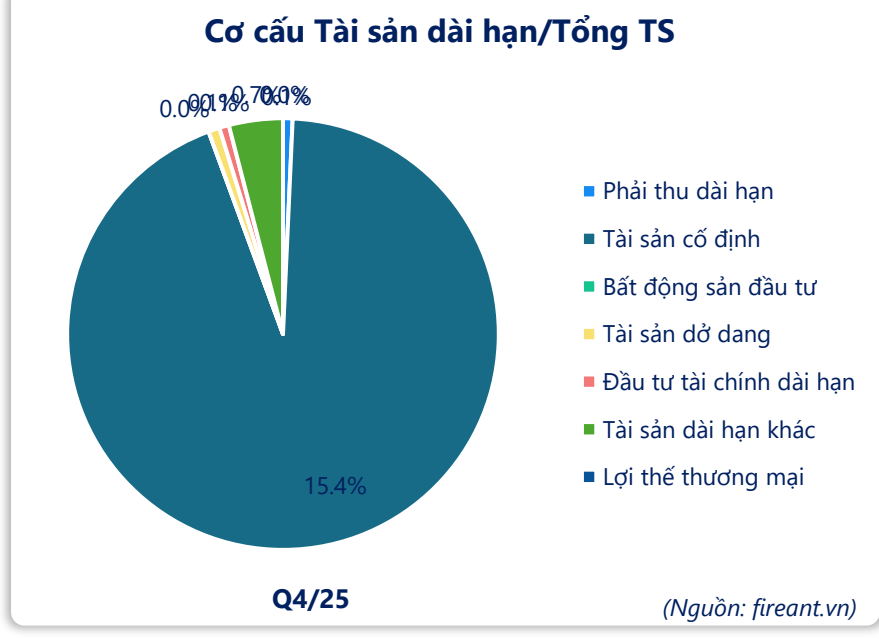
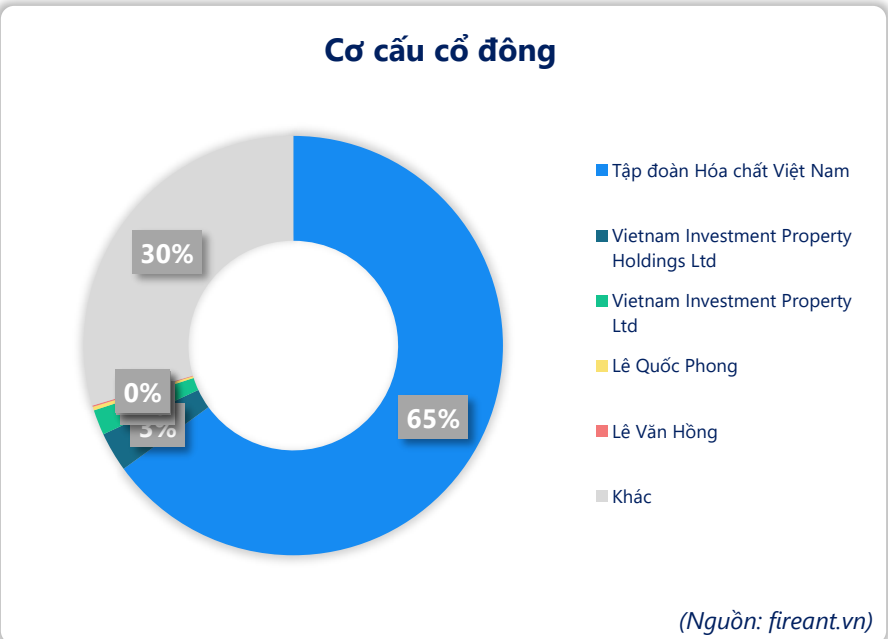
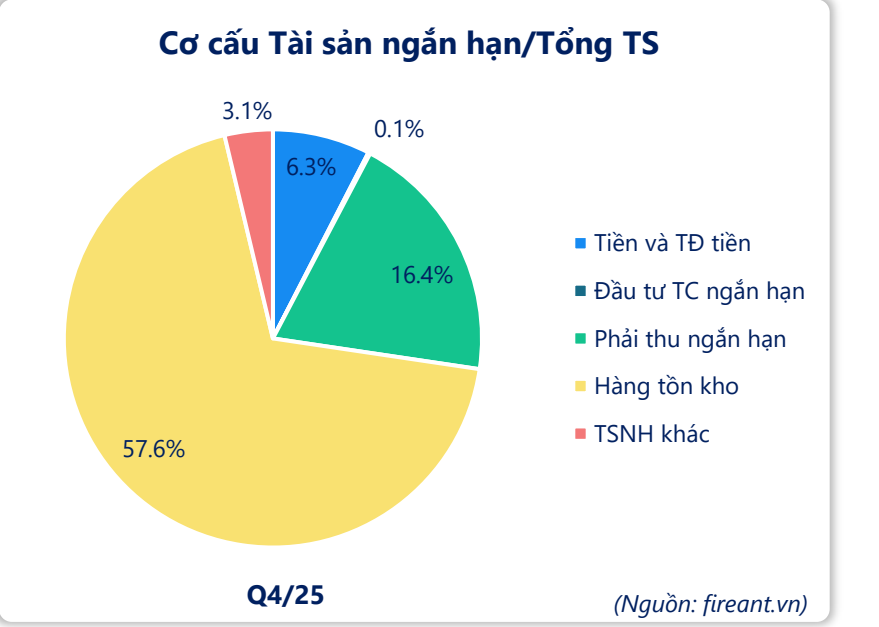
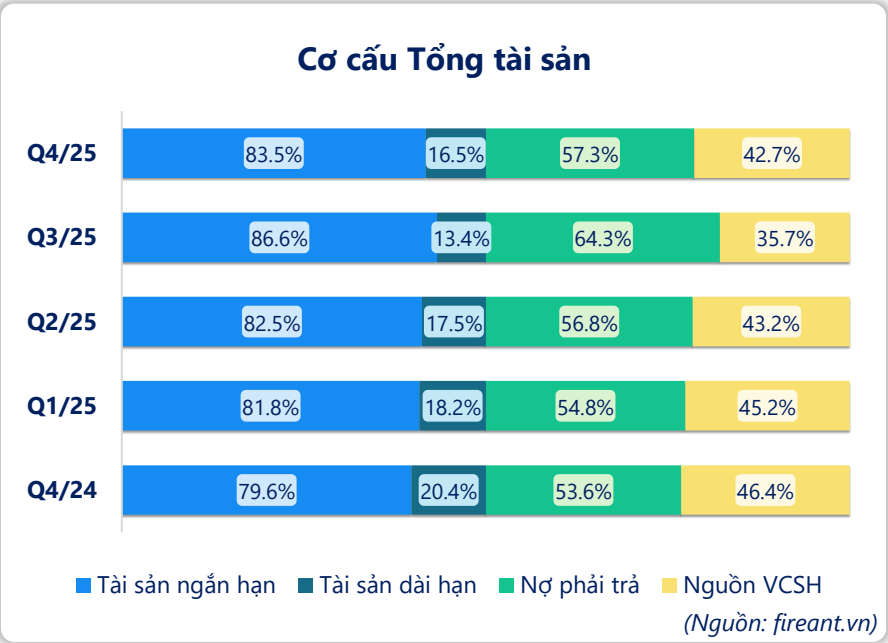
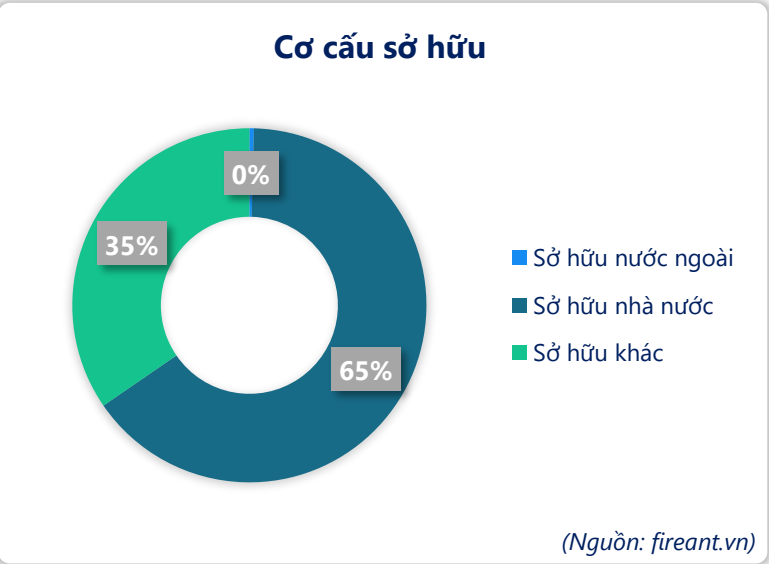
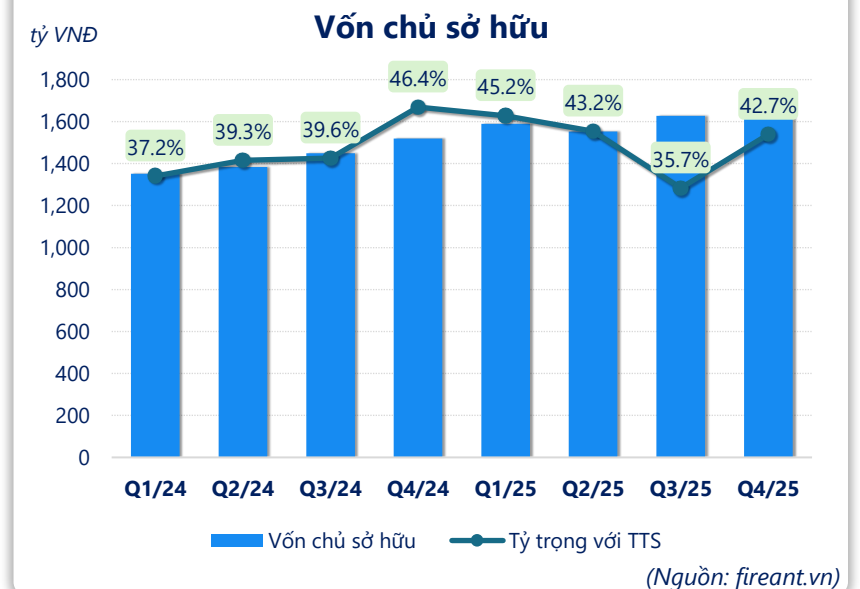
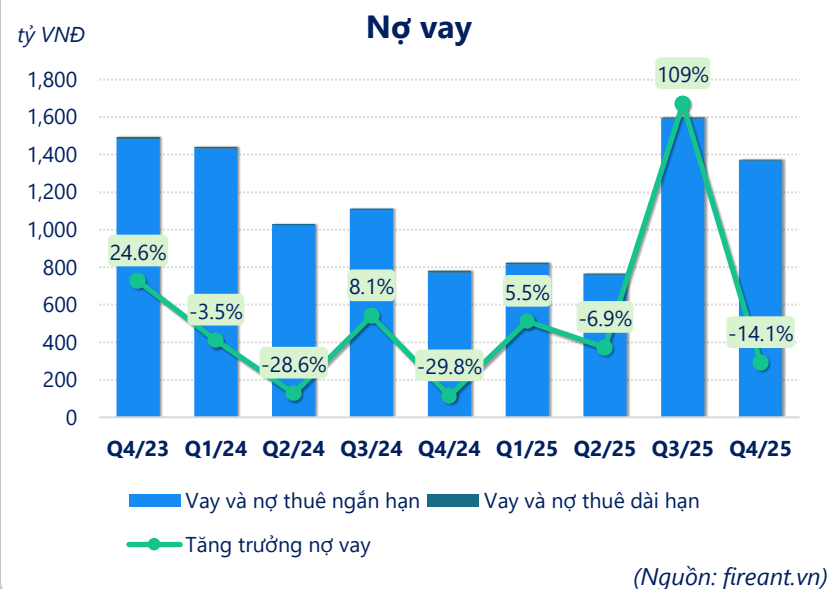
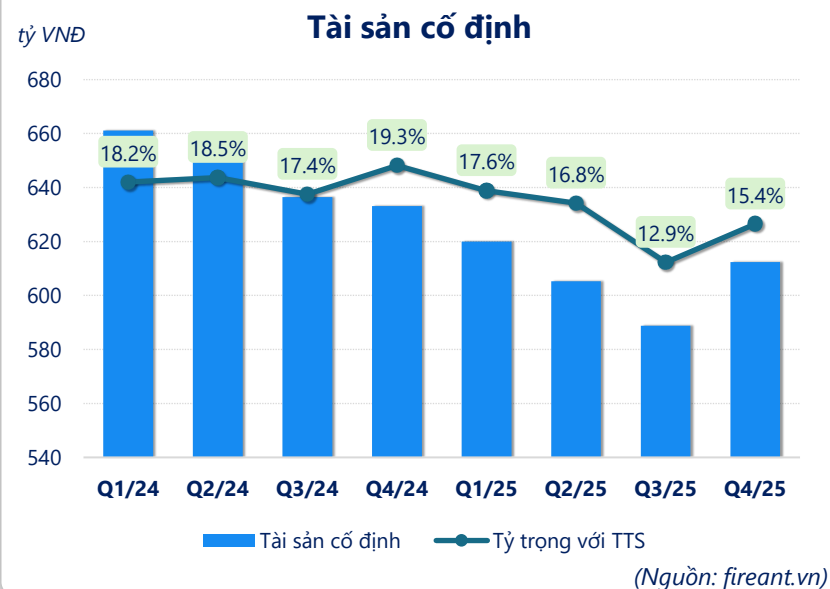
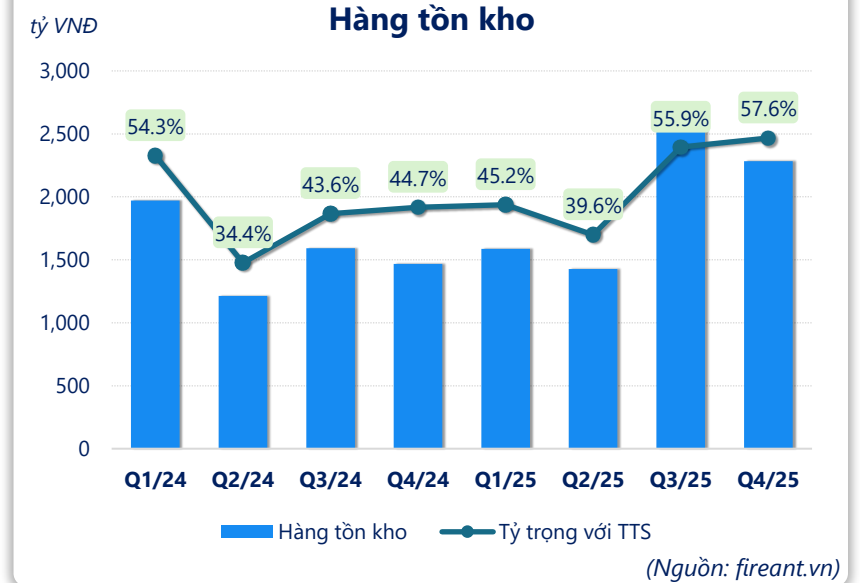
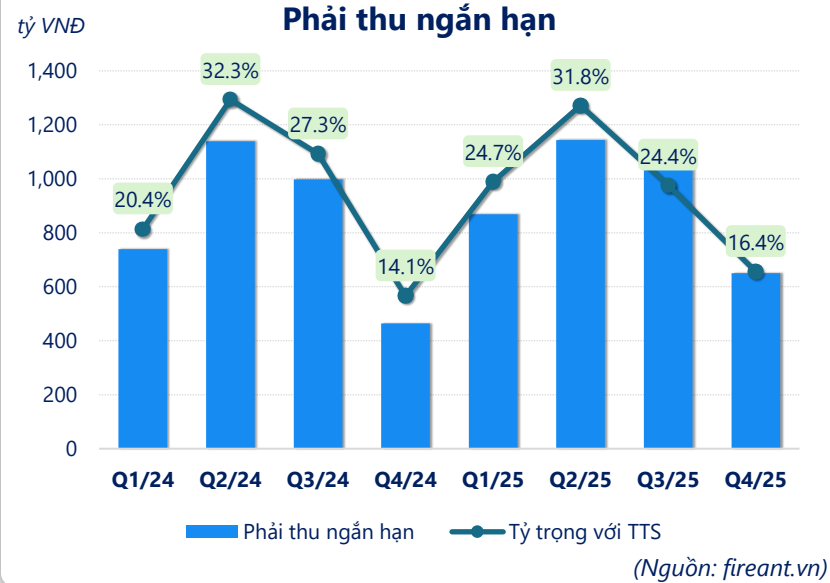
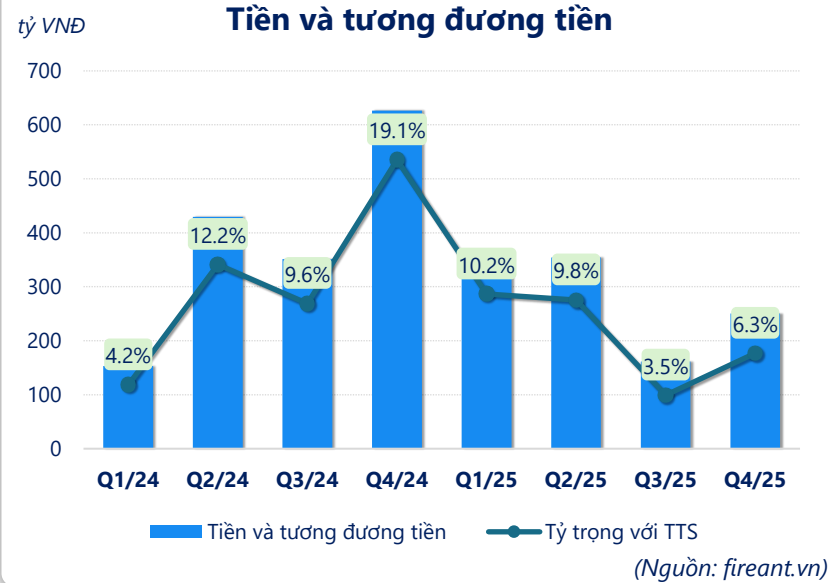
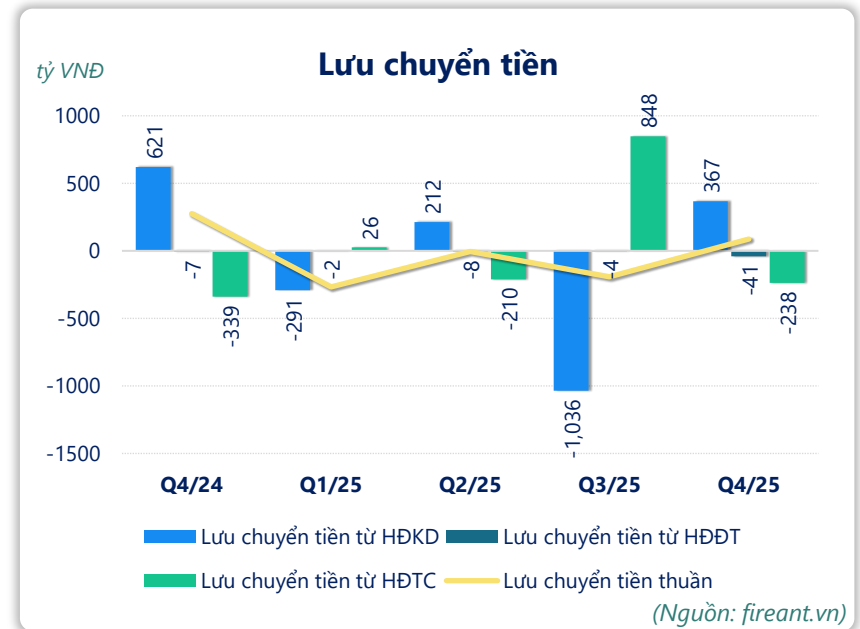
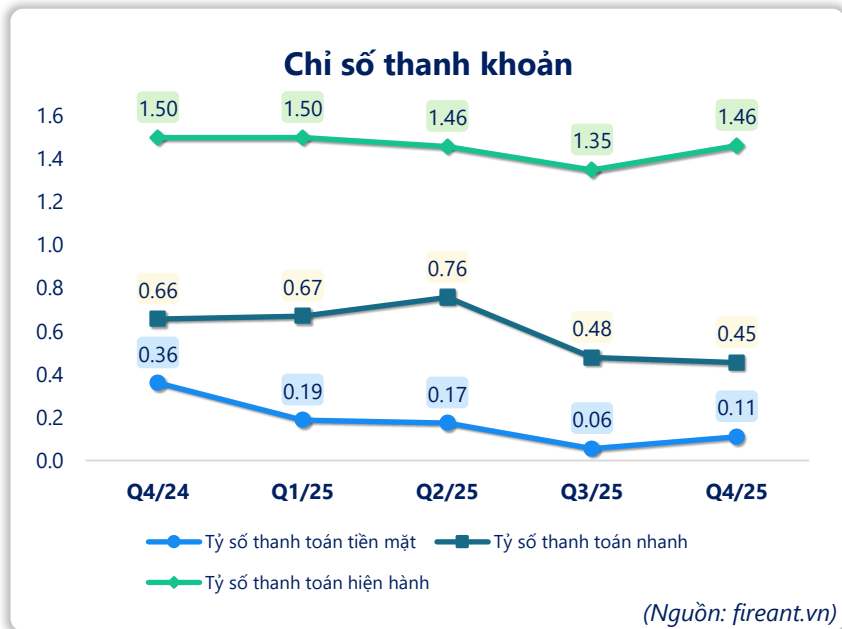
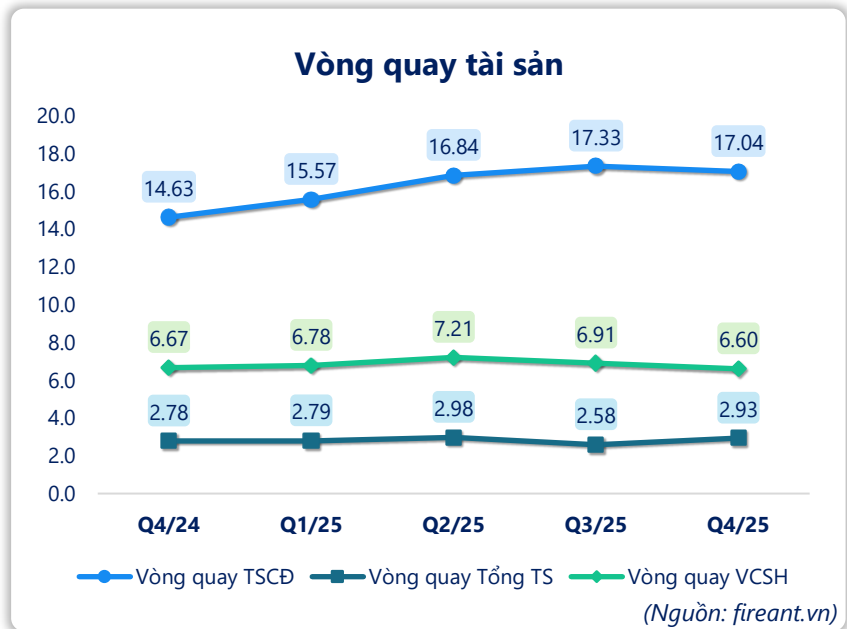
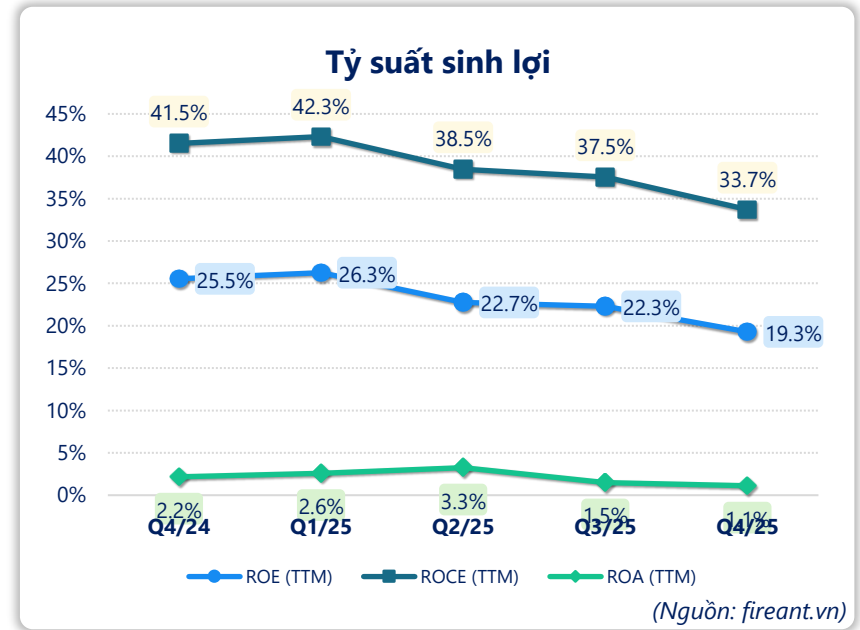
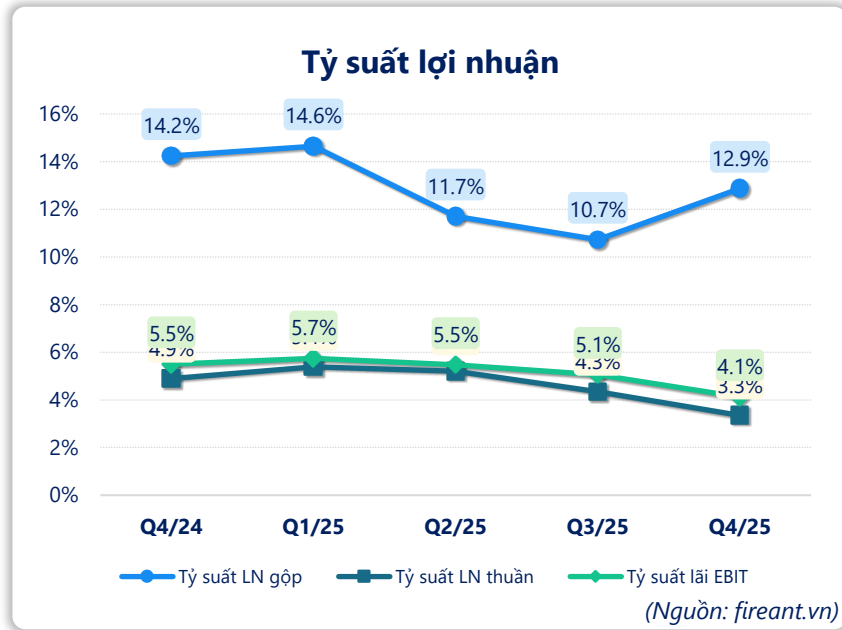
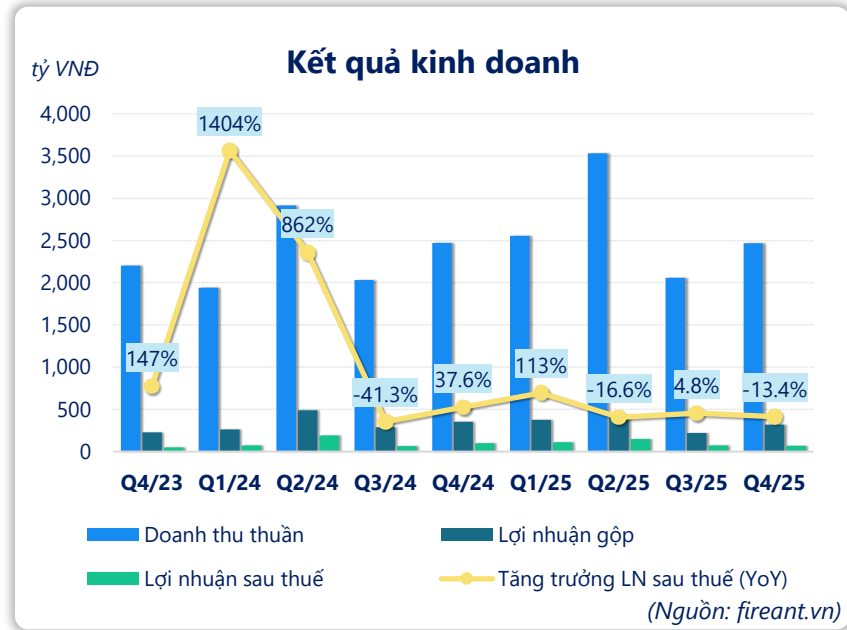


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		42,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		50,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,613
SL cổ phiếu LH		57,167,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)		68,380
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,441
P/E		7.9
EPS		5,421

	YTD	1T	3T	6T
BFC	11.1%	-2.5%	2.9%	-9.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,966	3,277	21.0%
Tài sản ngắn hạn	3,312	2,609	27.0%
Tiền và tương đương tiền	250	627	-60.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	10.5	-52.4%
Phải thu ngắn hạn	651	464	40.3%
Hàng tồn kho	2,283	1,466	55.7%
Tài sản ngắn hạn khác	123	42.0	194%
Tài sản dài hạn	654	668	-2.2%
Phải thu dài hạn	4.68	4.65	0.7%
Tài sản cố định	612	633	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.50	7.68	-28.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.73	5.16	-8.3%
Tài sản dài hạn khác	26.4	17.9	47.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,271	1,760	29.0%
Nợ ngắn hạn	2,265	1,743	30.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,368	772	77.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	354	468	-24.3%
Nợ dài hạn	5.46	16.9	-67.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.46	9.29	-41.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,695	1,517	11.7%
Vốn chủ sở hữu	1,695	1,517	11.7%
Vốn điều lệ	572	572	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,471	2,554	3,535	2,060	2,466
Giá vốn hàng bán	2,119	2,180	3,121	1,839	2,149
Lợi nhuận gộp	352	374	413	221	317
Doanh thu HĐTC	11.2	4.68	7.68	7.74	3.31
Chi phí TC	21.9	12.2	19.7	14.3	26.7
Chi phí lãi vay	11.2	9.20	8.75	13.3	19.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	163	184	146	79.8	159
Chi phí QLDN	56.6	45.1	72.3	45.0	52.0
LN thuần từ HĐKD	121	138	184	89.4	82.6
Lợi nhuận khác	3.90	-0.08	0.85	1.32	-0.04
LN trước thuế	125	137	185	90.8	82.5
Lợi nhuận sau thuế	99.9	111	148	73.3	68.3
LNST của CĐ cty mẹ	73.1	92.6	116	61.2	40.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	621	-291	212	-1,036	367
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.47	-1.72	-7.72	-4.33	-40.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-339	25.6	-210	848	-238
Tiền đầu kỳ	351	627	359	354	162
Lưu chuyển tiền thuần	275	-267	-5.38	-192	88.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.03	-0.03	0
Tiền cuối kỳ	627	359	354	162	250

(Nguồn: fireant.vn)